2. Sử dụng PHPMyAdmin import file **Bai\_tap\_ve\_nha\_MySQL/demo\_database.sql** lên cơ sở dữ liệu của bạn. Sau khi import, hãy viết các câu truy vấn CSDL theo các mô tả sau:

* 1. Lấy thông tin tất cả các khách hàng từ bảng customers

SELECT\*FROM customers;

* 1. Lấy thông tin tất cả các khách hàng từ bảng customers có customerName chứa chuỗi ký tự ‘model’.

SELECT\*FROM customers WHERE CustomerName LIKE '%model%';

* 1. Lấy thông tin tất cả các khách hàng từ bảng customers có country là USA và có creditLimit lớn hơn 10000

SELECT\*FROM customers WHERE country = 'USA' AND creditLimit > 10000;

* 1. Lấy thông tin 10 khách hàng đầu tiên từ bảng customers mà có state không rỗng

SELECT\*FROM customers WHERE state != '' LIMIT 10;

* 1. Lấy thông tin tất cả các khách hàng từ bảng customers có phone chứa chuỗi “40”, sắp xếp theo chiều giảm dần của trường customerNumber

SELECT\*FROM customers WHERE phone LIKE '%40%' ORDER BY customerNumber DESC;

* 1. Tạo mới bảng **users**, gồm các thông tin về các field/column như sau:
  + Trường **id**, khóa chính, tự động tăng, kiểu dữ liệu INT, độ dài tối đa 11 ký tự, không cho phép null
  + Trường **username**, kiểu dữ liệu VARCHAR, độ dài tối đa 255 ký tự, không cho phép null
  + Trường **password**, kiểu dữ liệu VARCHAR, độ dài tối đa 255 ký tự, không cho phép null
  + Trường **gender**, kiểu dữ liệu TINYINT, độ dài tối đa 3 ký tự, cho phép null
  + Trường **description**, kiểu dữ liệu TEXT, không giới hạn độ dài tối đa, cho phép null
  + Trường **birthday**, kiểu dữ liệu DATETIME, cho phép null
  + Trường **date\_created**, kiểu dữ liệu TIMESTAMP, cho phép null

CREATE TABLE users(

*id INT(11) NOT NULL AUTO\_INCREMENT,*

*username VARCHAR(255) NOT NULL,*

*password VARCHAR(255) NOT NULL,*

*gender TINYINT (3),*

*description TEXT,*

*birthday DATETIME,*

*date\_created TIMESTAMP,*

*PRIMARY KEY (id)*

)

* 1. Thực hiện thêm dữ liệu mới cho bảng users vừa tạo ở ý **f,** các dữ liệu mới đc mô tả như sau:
  + User 1 có username = nvmanh1, password = 123456, gender = 1, description = Đây là user nvmanh1, birthday = 05/01/1990

*INSERT INTO users (username, password, gender, description, birthday)*

*VALUES('nvmanh1', '123456', '1', 'Đây là user nvmanh1', '1990/01/05')*

* + User 2 có username = nvmanh2, password = 654321, gender = 0, description = Đây là user nvmanh2, birthday = 23/02/1998

*INSERT INTO users (username, password, gender, description, birthday)*

*VALUES('nvmanh2', '654321', '0', 'Đây là user nvmanh2', '1998/02/23')*

* + User 3 có username = nvmanh3, password = 1234567890, gender = 2, description = Đây là user nvmanh3, birthday = 05/06/1994

*INSERT INTO users (username, password, gender, description, birthday)*

*VALUES('nvmanh3', '1234567890', '2', 'Đây là user nvmanh3', '1994/06/05')*

* + User 4 có username = nvmanh4, password = 111111, gender = 2, description = Đây là user nvmanh4, birthday = 22/02/2022

*INSERT INTO users (username, password, gender, description, birthday)*

*VALUES('nvmanh4', '111111', '2', 'Đây là user nvmanh4', '2022/02/22')*

* 1. Từ bảng users vừa tạo, hãy sửa username của user mà có id = 2, username sau khi sửa có giá trị mới = user\_edited

*UPDATE users SET username ='user\_edited' WHERE id = 2*

* 1. Từ bảng users vừa tạo, hãy xóa user có username là nvmanh4

*DELETE FROM users WHERE id = 4*